

Phụ lục 01

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN XÃ GIAO	THỰC HIỆN THU ĐẾN NGÀY 30/6/2026	SO SÁNH (%)		GHI CHÚ
					Tỉnh giao	Xã giao	
A	B	1	3	5	7	8	9
A	Thu NSNN trên địa bàn	24.405	24.405	35.125	143,9%	143,9%	
I	Thu nội địa	24.405	24.405	35.125	143,9%	143,9%	
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản		-				
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản		-	5			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		-				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	14.235	14.235	21.217	149,0%	149,0%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	850	850	401	47,2%	47,2%	
6	Thuế bảo vệ môi trường		-				
7	Lệ phí trước bạ	450	450	1.472	327,1%	327,1%	
8	Thu phí, lệ phí	635	635	187	29,4%	29,4%	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15	15	32	214,8%	214,8%	
11	Thu cho thuê mặt đất mặt nước		-				
12	Thu tiền sử dụng đất	5.500	5.500	11.532	209,7%	209,7%	
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	2.500	2.500	26	1,0%	1,0%	
16	Thu khác ngân sách	85	85	160	188,5%	188,5%	
17	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	135	135	94	69,9%	69,9%	
18	Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế		-				

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN XÃ GIAO	THỰC HIỆN THU ĐẾN NGÀY 30/6/2026	SO SÁNH (%)		GHI CHÚ
					Tỉnh giao	Xã giao	
19	Tăng thu từ các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao		-				
II	Thu từ dầu thô		-				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		-				
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập		-				
2	Thuế xuất khẩu		-				
3	Thuế nhập khẩu		-				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		-				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		-				
6	Thu khác		-				
B	Thu ngân sách xã	130.603	130.603	131.668	100,8%	100,8%	
I	Thu cân đối ngân sách	118.241	118.241	75.928	64,2%	64,2%	
1	Thu hưởng theo phân cấp	24.052	24.052	33.019	137,3%	137,3%	
2	Thu bổ sung cân đối	94.189	94.189	42.909	45,6%	45,6%	
II	Thu bổ sung có mục tiêu	12.362	12.362	42.090	340,5%	340,5%	
1	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	12.362	12.362	42.090	340,5%	340,5%	
2	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung						
III	Thu chuyển nguồn	-	-	12.374			
IV	Thu kết dư ngân sách	-	-	1.275			

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HĐND XÃ QUYẾT ĐỊNH	THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 30/6/2026	SO SÁNH (%)		GHI CHÚ
					Tỉnh giao	Xã giao	
A	B	1	2	3	5	6	7
	Tổng cộng	130.603	130.603	67.571	51,7%	51,7%	-
A	Chi cân đối ngân sách	118.241	118.241	65.889	55,7%	55,7%	-
I	Chi đầu tư phát triển	7.675	7.675	2.718	35,4%	35,4%	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	7.675	7.675	2.718	35,4%	35,4%	-
	<i>Trong đó chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	4.675	4.675		0,0%	0,0%	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
-	Chi khoa học và công nghệ						
-	Chi quốc phòng						
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội						
-	Chi y tế, dân số và gia đình						
-	Chi văn hóa thông tin			352			
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn						
-	Chi thể dục thể thao						
-	Chi bảo vệ môi trường						
-	Chi các hoạt động kinh tế	7.675	7.675	1.146	14,9%	14,9%	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			1.220			
-	Chi bảo đảm xã hội						
-	Chi đầu tư khác						

TT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HĐND XÃ QUYẾT ĐỊNH	THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 30/6/2026	SO SÁNH (%)		GHI CHÚ
					Tỉnh giao	Xã giao	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
3	Chi đầu tư phát triển khác						
II	Chi thường xuyên	108.201	108.201	63.172	58,4%	58,4%	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (3)	75.098	75.408	38.135	50,8%	50,6%	
-	Chi khoa học và công nghệ		-				
-	Chi quốc phòng		300	370		123,3%	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		200	803		401,7%	
-	Chi y tế, dân số và gia đình			1.601			
-	Chi văn hóa thông tin		486	69		14,2%	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		90	101		112,3%	
-	Chi thể dục thể thao		160	101		63,2%	
-	Chi bảo vệ môi trường		100	25		24,6%	
-	Chi các hoạt động kinh tế		3.994	1.378		34,5%	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		19.143	15.183		79,3%	
-	Chi bảo đảm xã hội		7.336	5.406		73,7%	
-	Chi thường xuyên khác		984				
III	Chi trả nợ lãi vay		-				
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính		-				
V	Dự phòng ngân sách	2.365	2.365		0,0%		
VI	Chi nguồn giao tăng thu so dự toán Trung ương giao						

TT	Nội dung	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HĐND XÃ QUYẾT ĐỊNH	THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 30/6/2026	SO SÁNH (%)		GHI CHÚ
					Tỉnh giao	Xã giao	
B	Chi bổ sung có mục tiêu	12.362	12.362		0,0%		
C	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	-	-	1.682			

Phụ lục 03

BÁO CÁO THỰC HIỆN NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP XÃ NGỌK BAY

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngok Bay)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị - Nội dung	Quyết định UBND xã		
		Số Văn bản	Ngày tháng	Tổng số
A	Nguồn kinh phí			2.365
1	Nguồn bố trí dự toán đầu năm			2.365
-	Dự toán giao đầu năm phân bổ theo dự toán giao	147/QĐ-UBND	28-12-2025	2.365
B	Tình hình thực hiện			616
1	Ban Chỉ huy Quân sự xã			127
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã Ngok	52/QĐ-UBND	09-02-2026	94
-	Kinh phí tổ chức đi thăm chiến sĩ mới nhập ngũ năm 2026	126/QĐ-UBND	15-05-2026	33
2	Công an xã			189
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ an ninh và trật tự, an toàn xã hội tại địa phương	123/QĐ-UBND	14-5-2026	189
3	Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Kon Tum			300
-	Ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác	155/QĐ-UBND	11-6-2026	300
C	Nguồn còn lại			1.749

Phụ lục 04
THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN TỈNH BỔ SUNG MỤC TIÊU NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh bổ sung mục tiêu	Số đã phân bổ/giao	Đã nộp trả ngân sách tỉnh	Số còn lại	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	42.619,5	42.147,5	19,0	453,0	
I	Bổ sung có mục tiêu đầu năm	12.362,0	12.343,0	19,0	-	
-	Hỗ trợ phát triển đất trồng lúa (Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh)	39,0	39,0		-	
-	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ	2.323,0	2.323,0		-	
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	3.403,0	3.403,0		-	
-	Kinh phí thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	159,0	159,0		-	
-	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động	4.273,0	4.273,0		-	
-	Kinh phí thực hiện hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh	932,0	932,0		-	
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	86,0	86,0		-	
-	Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hóa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025)	375,0	375,0		-	
-	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban thanh tra nhân dân theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	10,0	10,0		-	
-	Kinh phí hỗ trợ công tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở thôn, tổ dân phố (Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016)	19,0		19,0	-	
-	Kinh phí thù lao chi trả chính sách BHXH (Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022)	83,0	83,0		-	
-	Kinh phí chuyên trách CNTT theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ	60,0	60,0		-	
-	Trợ cấp mai táng phí người có công chi trả (Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, 49/2015/QĐ-TTg và số 290/2025/QĐ-TTg) thực hiện theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	400,0	400,0		-	
-	Hỗ trợ kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (Thông tư 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính)	50,0	50,0		-	
-	Hỗ trợ tham gia đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh (Phòng Văn hóa - xã hội)	100,0	100,0		-	

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh bổ sung mục tiêu	Số đã phân bổ/giao	Đã nộp trả ngân sách tỉnh	Số còn lại	Ghi chú
-	Hỗ trợ chế độ chi tiêu hoạt động của đảng ủy xã, phường, đặc khu trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 42-QĐ/TU ngày 02/10/2025 của Tỉnh ủy	50,0	50,0		-	
II	Bổ sung có mục tiêu trong năm 2026	30.257,5	29.804,5	-	453,0	
-	Chuyển giao kinh phí các Trạm Y tế, Bệnh xá, Phòng khám đa khoa khu vực (thực hiện nhiệm vụ Trạm Y tế) thuộc Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế về thuộc UBND các xã, phường quản lý năm 2026	3.208,0	3.208,0		-	
-	Kinh phí quà tặng nhân dịp Tết cổ truyền và ngày Thương binh - liệt sĩ (27/7)	42,0	42,0		-	
-	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031	700,0	700,0		-	
-	Kinh phí tổ chức Ngày hội bánh chưng xanh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán 2026	30,0	30,0		-	
-	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đợt 2)	500,0	500,0		-	
-	Kinh phí thực hiện một số chính sách giáo dục	6.580,0	6.127,0		453,0	
-	Kinh phí trợ cấp hưu trí xã hội và hỗ trợ chi phí mai táng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ năm 2026	2.904,0	2.904,0		-	
-	Kinh phí mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung của tỉnh Quảng Ngãi năm 2026	1.593,0	1.593,0		-	
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh	190,0	190,0		-	
-	Về việc phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương từ nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025	14.000,0	14.000,0		-	
-	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2026 đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ (đợt 11)	408,7	408,7		-	
-	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đợt 3)	100,0	100,0		-	
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của HĐND tỉnh quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh	1,8	1,8		-	